TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh P1**

Bản án số: 16/2020/HS-ST
Ngày: 04-6-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Trang Thị Cẩm Nhuần;**
Bà **Nguyễn Thị Thanh Nga**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Thạch Ngọc P (Trí), sinh năm 1999; Tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Ngọc M, sinh năm 1974 (Còn sống) và bà Thạch Thị T, sinh năm 1978 (Còn sống); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 06/01/2020 đến ngày 12/01/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Sơn Bình T1, sinh năm 1998; Tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn Si T2, sinh năm 1979 (Còn sống) và bà Thạch Thị Bảo X, sinh năm 1981 (Còn sống); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 06/01/2020 đến ngày 12/01/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Trần Văn G, sinh năm 1997; Tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Trần S, sinh năm 1972 (Còn sống) và bà Thạch Thị T3, sinh năm 1968 (Còn sống); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 07/01/2020 đến ngày 10/01/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị Bảo X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Ông Sơn Si T2, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn S1, sinh ngày 09/11/2002; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn S1: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày 03/3/2003; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn P: Bà Thạch Thị Sa R, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

3. Anh Thạch S2, sinh năm 1998; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không lý do).

Người phiên dịch: Ông Kim Trường Mu N – Công tác tại Ban nhân dân ấp A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2020, các bị cáo P, T1 và G cùng với Thạch S2, Nguyễn Văn P (Hậu) và anh Nguyễn Văn S1 (Sang) đến nhà bà Lâm Thị H1 để dự tiệc. Tại đây, những người tại đám tiệc rủ nhau đánh bạc nên bị cáo G và S1 hùn tiền mỗi người 200.000 đồng để đánh bạc, với hình thức đánh bài binh ấn độ 06 lá, được thua bằng tiền, quy ước mỗi tụ đặt cược thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng. Bị cáo G và S1 ngồi 01 tụ làm cái, các đối tượng gồm Thạch T3 (Đẹt), Thạch Thanh T4 (Rộng) và một người đàn ông không rõ lai lịch và địa chỉ, mỗi người ngồi 01 tụ để chơi đánh bạc.

Trong lúc bị cáo G đang đánh bạc thì bị cáo P, bị cáo T1, S2, P1 từ bàn kế bên đến đứng xem bị cáo G đánh bạc và thấy bị cáo G thắng cược có nhiều tiền nên bị cáo P hỏi xin tiền của bị cáo G để mua ma túy đá cùng sử dụng, lúc đó có bị cáo T1 cũng nghe bị cáo P xin tiền để mua ma túy nhưng bị cáo G không đưa tiền vì đang đánh bạc và hứa đánh bạc xong sẽ đưa tiền cho bị cáo P. Một lúc sau, bị cáo P, bị cáo T1, S2, P1 quay lại bàn cũ để uống rượu.

Đến khoảng 30 phút sau, bị cáo G, S1, T3, T4 và người đàn ông nghỉ chơi đánh bạc nên bị cáo G và S1 đi ra phía trước cổng rạp đám cưới để chia tiền thắng cược mỗi người được 250.000 đồng. Khi chia tiền xong, S1 đi vào bên trong, lúc này bị can P, bị can T1 đi ra phía trước rạp gặp bị can G để xin tiền mua ma túy đá sử dụng. Khi đó, bị can G đưa cho bị can P số tiền 300.000 đồng, lúc này S2 và P1 đi ra thấy bị can G đưa tiền cho P nên S2 đi lại chổ bị cáo G nói chuyện chơi. Sau đó, bị cáo P kêu bị cáo G đưa điện thoại di động của bị cáo G để điện thoại cho đối tượng tên Thảo Ma, ngụ huyện T1, tỉnh Trà Vinh để hỏi mua 01 (một) tép ma túy đá, giá 300.000 đồng.

Sau khi thỏa thuận mua ma túy xong, bị cáo P kêu bị cáo G lấy xe mô tô của bị cáo G để chở bị cáo P đi mua ma túy nhưng bị cáo G không đồng ý, vì xe hết xăng và bị hư hỏng đèn chiếu sáng. Lúc đó, bị cáo P nói với bị cáo T1 lấy xe mô tô của bị cáo T1 đi mua ma túy đá thì bị cáo T1 đồng ý. Sau đó, bị cáo P lấy xe mô tô, biển kiểm soát 84H1-413.25 chở bị cáo T1 đi gặp đối tượng Thảo Ma để giao dịch mua ma túy đá, còn bị cáo G, P1 và S2 tiếp tục vào dự tiệc.

Khi bị cáo P chở bị cáo T1 đến tượng đài huyện T1 thì bị cáo P kêu bị cáo T1 xuống xe đợi, còn bị cáo P một mình đến khu vực Công ty trách nhiệm hữu hạn giày da Mỹ Phong thuộc xã S, huyện T1, tỉnh Trà Vinh để gặp đối tượng Thảo Ma mua ma túy. Sau khi mua ma túy xong, bị cáo P quay lại rước bị cáo T1 để về gặp bị cáo G. Khi đó bị cáo G, P1, S1 và S2 đi về nhà, khi đến đầu đường đanl thuộc ấp A, xã B, cả nhóm ngồi nói chuyện chơi. Sau đó, bị cáo G mượn điện thoại của S1 để điện thoại cho bị cáo P hỏi "Đi tới đâu rồi, mua được chưa?", bị cáo P trả lời "Mua được rồi, tới ấp Leng rồi" bị cáo G kêu bị cáo P chạy đến đầu đường đanl thuộc ấp A để gặp bị cáo G, rồi bị cáo G tắt máy và cùng nói chuyện với S2, P1 và S1 được một lát thì P1 và S1 về nhà ngủ, còn bị cáo G và S2 tiếp tục nói chuyện với nhau.

Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06 tháng 01 năm 2020 khi bị cáo P chở bị cáo T1 đến đầu đường đanl thuộc ấp A thì bị lực lượng Công an kiểm tra và bắt quả tang bị cáo P cất giấu trong túi quần Jeans, bên trái 01 (một) vỏ thuốc lá, hiệu Jet, bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được hơ kín, chứa nhiều hạt tinh thể trong suốt, nghi là ma túy được niêm phong (ký hiệu 01), bị cáo G thấy bị cáo P và bị cáo T1 bị Công an kiểm tra nên đã lén đến chổ bị cáo T1 để lấy điện thoại lại, rồi bị cáo G đi về nhà.

Tại bản kết luận giám định số 15/KLGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận: Tinh thể màu trắng chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín được niêm phong ký hiệu 01 gửi giám định là ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng: 0,1135 gam.

Tại phiên tòa các bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G khai đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên như quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, 38, 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thạch Ngọc P

từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/01/2020.

Xử phạt bị cáo Sơn Bình T1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 06/01/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 07/01/2020.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho Nguyễn Văn S1: 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung M10, màu xanh, màn hình cảm ứng, có số thuê bao 0355.758.280 nên đề nghị không xem xét.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 84H1-413.25 cho ông Sơn Si T2 và bà Thạch Thị Bảo X.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có số thuê bao 0926.455.647 và 0367.227.480 cho bị cáo Sơn Bình T1.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) vỏ thuốc lá, hiệu Jet, bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được hơ kín, bên trong có nhiều hạt tinh thể trong suốt, là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0776 gam.

+ 01 (một) cây kéo, bằng kim loại.

- Đối với số tiền 36.000 đồng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần theo biên lai thu số 0000061, ngày 28/4/2020 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo P.

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng, ốp lưng bằng nhựa, có số thuê bao 0933.640.407 và 0923.434.809 của bị cáo G.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ông Sơn Si T2 và bà Thạch Thị Bảo X trình bày: Ông, bà là cha mẹ của bị cáo Sơn Bình T1, chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 84H1-413.25 là tài sản chung của ông bà. Ngày 05/01/2020 bà Xuyên có cho bị cáo mượn xe đi đám cưới nhưng sau đó bị cáo dùng xe thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy ông, bà không biết. Ông bà có yêu cầu nhận lại chiếc xe mô tô trên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo P: Bị cáo biết mình sử dụng ma túy đã sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về đoàn tụ gia đình và làm lại cuộc đời.

Bị cáo T1: Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo G: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo biết mình đã sai, xin Hội động xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về gia đình và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Nguyễn Văn P, bà Thạch Thị Sa R có đơn xin vắng mặt, Anh Nguyễn Văn S1, ông Nguyễn Văn H, anh Thạch S2 vắng mặt không lý do và những người này đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên theo quy định.

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo và người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Tiểu Cần, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G khai nhận vào ngày 05/01/2020 có hùn tiền để mua ma túy về sử dụng và bị bắt phạm tội quả tang đúng như cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo P, T1 và G tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 06/01/2020, tại đường đal thuộc ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã kiểm tra và bắt quả tang thu giữ trên người của bị cáo P 01 (một) gói nylon, màu trắng được hàn kín, bên trong gói nylon có chứa chất tinh thể trong suốt là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1135 gam. Riêng bị cáo T1 và bị cáo G phạm tội với vai trò giúp sức về tiền và P tiện cho bị cáo P. Do đó, hành vi trên của các bị cáo P, G và T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo ra trước tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Quá trình điều tra, đã xác định các bị cáo sau đây có hành vi phạm tội như sau:

Đối với bị cáo Thạch Ngọc P: Bị cáo là người khởi xướng rủ rê các bị cáo khác được các bị cáo đã đồng thuận, bị cáo là người trực tiếp xin tiền bị cáo G để mua ma túy và trực tiếp cùng với bị cáo T1 đi mua ma túy về cùng sử dụng với bị cáo T1, bị cáo G dẫn đến hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị bắt quả tang, quá trình điều tra đã xác định bị cáo nhiều lần sử dụng ma túy. Bị cáo có nhân thân không tốt thường xuyên vi phạm pháp luật được thể hiện vào ngày 10/01/2017 bị cáo bị Công an xã B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi say rượu, bia gây mất trật tự công cộng với số tiền là 375.000 đồng, đến ngày 15/01/2017 bị Công an xã B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (trộm gà) với số tiền bằng 750.000 đồng bị cáo chưa nộp phạt.

Đối với bị cáo T1 và bị cáo G: Mặc dù, không trực tiếp đi mua ma túy, nhưng hai bị cáo phạm tội với vai trò là giúp sức về tiền và P tiện cho bị cáo P mua ma túy về sử dụng chung dẫn đến hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đã bị bắt quả tang, quá trình điều tra, cũng xác định các bị cáo đã sử dụng ma túy nhiều lần. Đối với bị cáo G trước khi đưa tiền cho bị cáo P mua ma túy về sử dụng, thì giữa bị cáo, Nguyễn Văn S1, Thạch T3 và Thạch Thanh T4 có tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Do đó, hành vi đánh bạc của bị cáo G chưa đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc nên Công an huyện Tiểu Cần ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo G, T3 và T4 mỗi người với số tiền 1.000.000 đồng.

[5] Xét thấy tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về việc cất giữ, vận chuyển, trao đổi chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất an trong quần chúng nhân dân. Đây cũng là nguyên nhân làm phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác, ảnh hưởng đến sức khỏe. Bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng bất chấp hậu quả. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ mà các bị cáo gây ra để có điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt và đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa: Các bị cáo P, T1 và G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án, tiền sự. Riêng bị cáo T1 có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo G có ông ngoại là Thạch C được tặng bằng khen có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, có ông nội tên Trần Văn N1 được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam, có cha ruột tên Trần S có thành tích tốt trong phong trào xây dựng lực lượng dân quân tự vệ xã B. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

[7] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã trả lại cho Nguyễn Văn S1: 01 (một) điện thoại di động hiệu SamSung M10, màu xanh, màn hình cảm ứng, có số thuê bao 0355.758.280, nên không xem xét.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có số thuê bao 0926.455.647 và 0367.227.480 cho bị cáo Sơn Bình T1.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 84H1-413.25 cho bà Thạch Thị Bảo X và ông Sơn Si T2.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) vỏ thuốc lá, hiệu Jet, bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được hơ kín, bên trong có nhiều hạt tinh thể trong suốt, là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0776 gam.

+ 01 (một) cây kéo, bằng kim loại.

- Đối với số tiền 36.000 đồng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần theo biên lai thu số 0000061, ngày 28/4/2020, giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án cho bị cáo P.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng, ốp lưng bằng nhựa, có số thuê bao 0933.640.407 và 0923.434.809 của bị cáo G.

[09] Về án phí hình sự: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với đối tượng tên Thảo Ma có hành vi bán ma túy cho các bị cáo, cơ quan Công an chưa xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xử lý. Do đó, cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, nếu đủ cơ sở xử lý sau.

[11] Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 84H1-413.25 do ông Sơn Si T2 (là cha ruột bị cáo T1) đứng tên chủ sở hữu, khi bị cáo P và bị cáo T1 dùng P tiện của ông T2 đi mua ma túy thì ông T2 không biết nên không có cơ sở xử lý.

[12] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 17, 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Thạch Ngọc P 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 06/01/2020.

Xử phạt bị cáo Sơn Bình T1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 06/01/2020.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 01 (năm) 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 07/01/2020.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G số tiền 5.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Sơn Bình T1 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có số thuê bao 0926.455.647 và 0367.227.480.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, biển kiểm soát 84H1-413.25 cho bà Thạch Thị Bảo X và ông Sơn Si T2.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) vỏ thuốc lá, hiệu Jet, bên trong có 01 (một) gói nylon màu trắng được hơ kín, bên trong có nhiều hạt tinh thể trong suốt, là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0776 gam.

+ 01 (một) cây kéo, bằng kim loại.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo, màu đỏ, màn hình cảm ứng, ốp lưng bằng nhựa, có số thuê bao 0933.640.407 và 0923.434.809 của bị cáo G.

- Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần tiếp tục quản lý số tiền 36.000 đồng theo biên lai thu số 0000061, ngày 28/4/2020 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo P.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Thạch Ngọc P, Sơn Bình T1 và Trần Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự P1 thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh TV;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- CA huyện Tiểu Cần;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm